

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/DSST
Ngày 11-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt
2. Ông Lê Kim Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2017/TLST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2017/QĐXXST-DS, ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1970; (có mặt)

Địa chỉ: số 201 ấp N, xã T, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Phạm Thị L, sinh năm: 1957; (có mặt)

Địa chỉ: số 143 ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị U trình bày: Vào ngày 07/5/2016 âm lịch bà U có cho bà Phạm Thị L vay số tiền 40.000.000đ, không quy định thời hạn vay, khi nào bà U muốn lấy lại tiền cho vay thì cho bà L hay trước 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, mục đích vay tiền là làm vườn. Sau khi cho vay 04 tháng thì bà U có thông báo cho bà L là sẽ lấy lại tiền nhưng từ ngày vay tiền đến nay bà L vẫn không thực hiện trả vốn và lãi cho bà U. Khi cho bà L vay tiền bà L có làm biên nhận nợ và bà L có thể chấp cho bà U giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Phạm Thị L. Nay bà U yêu cầu bà L trả lại vốn vay là 40.000.000đ và tiền lãi từ ngày vay là

15.600.000đ. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị U yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến ngày 11/9/2017 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị L thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền của bà U nhưng số tiền vay về con bà L tên Bùi Hữu Lộc sử dụng. Tại phiên tòa bà L đồng ý trả cho bà U vốn vay là 40.000.000đồng, bà L không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị U khởi kiện đòi nợ vay đối với bà Phạm Thị L nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị U có cho bà Phạm Thị L vay số tiền 40.000.000đ là có thật được chứng minh qua tờ hợp đồng vay tiền ngày 07/5/2016 âm lịch mà U đã cung cấp khi khởi kiện. Sau khi bà L ký hợp đồng vay tiền với bà U thì bà L không thực hiện nghĩa vụ như đã ghi trong hợp đồng nên bà U khởi kiện. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà L nêu rõ việc khởi kiện của bà U và những chứng cứ kèm theo mà bà U đã nộp, nhưng bà L không trình bày ý kiến của mình về việc bà U kiện, Tòa án đã thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập 02 lần bà L vẫn không đến, Tòa án đã thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tổng đạt hợp lệ cho đương sự L.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị L thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền của bà U nhưng số tiền vay về con bà L tên Bùi Hữu Lộc sử dụng. Bà L đồng ý trả cho bà U vốn vay là 40.000.000đồng, bà L không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà U.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị U chỉ yêu cầu bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho bà U không yêu cầu Bùi Hữu Lộc cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà L.

Xét yêu cầu đòi nợ của bà Nguyễn Thị U đối với bà Phạm Thị L Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà U yêu cầu bà L trả lại tiền vốn vay là 40.000.000đ là có căn cứ vì khi bà L vay tiền của bà U có làm tờ hợp đồng vay đây là chứng cứ chứng minh cho việc yêu cầu của bà U đối với bà L nên yêu cầu của bà U là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần lãi của số tiền vay 40.000.000đ bà U yêu cầu tính theo quy định của pháp luật là có căn cứ hội đồng xét xử chấp nhận và việc tính lãi đối với khoản tiền mà U cho bà L vay được tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 như sau: Bà U cho bà L vay tiền ngày 07/5/2016 âm lịch là nhằm ngày 11/6/2016 dương lịch đến ngày 07/9/2019 âm lịch nhằm ngày 07/10/2016 dương lịch bà U cho bà L hay để lấy lại số tiền cho vay, theo hợp

đồng vay nợ thì trước khi lấy lại tiền cho vay bà U phải thông báo cho bà L biết trước 01 tháng. Như vậy, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 11/6/2016 đến 11/11/2016 là 05 tháng được tính như sau: $40.000.000đ \times 05 \text{ tháng} \times 1,67\%/tháng = 3.340.000đ$ (lãi trong hạn). Từ ngày 07/11/2016 đến ngày 07/9/2017 là 08 tháng được tính như sau: $3.340.000đ \times 0,83\%/tháng \times 08 \text{ tháng} = 221.776đ$ (lãi chậm trả). Từ ngày 07/11/2016 đến 07/9/2017 là 10 tháng được tính như sau: $40.000.000đ \times 10 \text{ tháng} \times (0,83\% \times 150\%) = 4.980.000đ$. Từ ngày 07/9/2017 đến ngày 11/9/2017 là 04 ngày = $4.980.000đ : 10 = 498.000đ : 30 = 16.600 \times 04 \text{ ngày} = 66.400đ$. Như vậy tổng cộng tiền lãi đến ngày 11/9/2017 bà L phải trả là 8.608.000đ (Tám triệu sáu trăm lẻ tám ngàn đồng).

Tổng cộng số tiền vốn lãi buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà U là $40.000.000đ \text{ vốn} + 8.608.000đ = 48.608.000đ$ (Bốn mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám ngàn đồng).

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Phạm Thị L thế chấp cho bà Nguyễn Thị U để vay tiền hiện nay bà U đang giữ nên buộc bà U có nghĩa vụ trả lại cho bà L vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản đặc biệt chỉ các tổ chức tín dụng hoạt động theo quy định pháp luật thì mới được nhận thế chấp bằng quyền sử dụng đất.

Do bà U được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải nộp án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà L bị buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm dân sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị U số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 11/9/2017 là 48.608.000đ (Bốn mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bà U có đơn yêu cầu thi hành án mà bà L chưa trả số tiền trên cho bà U thì số tiền trên được tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Nguyễn Thị U trả lại cho bà Phạm Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH06457 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 22/10/2013 cho hộ bà Phạm Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ nộp 2.430.000đ án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Nguyễn Thị U được nhận lại 1.390.000đồng tiền tạm ứng phí đã nộp ngày 21/7/2017 theo biên lai thu số 16561 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V

Án xử có đủ mặt các đương sự báo cho các bên biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 11/9/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thị Bích Thủy